

NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ DẠY-HỌC THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

TS. ĐỖ ĐỨC HỒNG HÀ *

1. Tín chỉ và hệ thống tín chỉ

1.1. Khái niệm tín chỉ⁽¹⁾

Tín chỉ là đại lượng đo toàn bộ phần thời gian bắt buộc của người học bình thường để học một môn cụ thể, bao gồm: thời gian lên lớp, thời gian thực hành, thời gian đọc sách, nghiên cứu và giải quyết vấn đề... Một giờ tín chỉ bao gồm 1 giờ lý thuyết trực tiếp với 2 giờ người học chuẩn bị ở nhà; hoặc 2 giờ thực hành, thực tập, thảo luận nhóm, seminar với 1 giờ chuẩn bị ở nhà; hoặc 3 giờ nghiên cứu ở nhà. Tùy theo tính chất đặc thù của mục tiêu và nội dung môn học, hình thức tổ chức dạy-học, giờ tín chỉ có thể thay đổi song thời gian tuyệt đối cho 1 giờ tín chỉ không nhỏ hơn 3, trong đó chỉ có giờ học lý thuyết hoặc các giờ thực hành, seminar... mới được bố trí vào thời khoá biểu.

1.2. Khái niệm hệ thống tín chỉ

Hệ thống tín chỉ trong học chế tín chỉ bao gồm các môn học với số tín chỉ tương ứng và số tín chỉ cần tích lũy để tiến tới văn bằng.⁽²⁾ Hệ thống tín chỉ trong học chế tín chỉ lần đầu tiên được áp dụng tại Đại học Harvard Hoa Kỳ vào năm 1872. Giáo sư Elliot của Đại học Harvard khi đó đã có sáng kiến đưa ra hệ thống các môn học để người học lựa chọn. Cho đến nay các trường đại học của hầu hết các nước, kể cả các nước đang phát triển cũng áp dụng hệ thống đào tạo này. Thực chất, hệ thống tín chỉ là bảng

liệt kê số lượng tín chỉ được cung cấp cho mỗi môn học được xác định bởi các giờ lên lớp và thực hành trong một tuần: số lượng tín chỉ cần tích lũy để đạt văn bằng; số lượng các môn học và các phương thức tổ hợp các môn học để tích lũy đủ số tín chỉ cần cho văn bằng. Như vậy, hệ thống tín chỉ tạo điều kiện để người học chủ động lựa chọn các môn học (và các hoạt động khác): tích lũy, bổ sung dần và đề cuối cùng tiến tới văn bằng (không phụ thuộc vào thời gian và địa điểm). Phần lớn các trường đại học ở Hoa Kỳ và một số nước châu Á đòi hỏi có khoảng 120 - 140 tín chỉ cho văn bằng đại học thứ nhất và phần lớn các môn học có 3 hoặc 4 tín chỉ. Riêng ở các nước châu Âu và Australia, môn học được xây dựng thành các module có kích cỡ chuẩn, thông thường là 5 tín chỉ. Các môn có kích cỡ lớn hơn thì phải có số tín chỉ là bội số của 5. Mỗi người học khi nhập học đều được cố vấn học tập trợ giúp trong việc lựa chọn các môn học thích hợp để tiến tới một ngành chuyên môn chính. Việc lựa chọn môn học là khá tự do, tuy thuộc vào sở trường, hứng thú, điều kiện thời gian, tài chính của người học. Chính yếu tố này tạo nên sự mềm dẻo và đa dạng của giáo dục đại học. Trong học chế tín chỉ, kiểm tra-

* Giảng viên Khoa luật hình sự
Trường Đại học Luật Hà Nội

đánh giá được tiến hành thường xuyên và liên tục, hàng tuần, hàng tháng, giữa học kì và cuối học kì, tùy theo các hoạt động giáo dục đa dạng như lên lớp lí thuyết, làm thí nghiệm, seminar, thực hành, tự học và tự nghiên cứu... Điểm tổng kết của môn học được tính trên cơ sở các điểm đánh giá thường xuyên đó.

1.3. Ưu điểm của hệ thống tín chỉ

Hệ thống tín chỉ phân chia hoạt động học tập thành các đơn nguyên có thể đo được, tích lũy được để tiến tới văn bằng, một tổ hợp rộng rãi các hoạt động giáo dục ở những thời gian và địa điểm khác nhau. Ưu điểm của hệ thống tín chỉ trong học chế tín chỉ được thể hiện ở những điểm sau:

Thứ nhất, về hiệu quả học tập: Hệ thống tín chỉ giúp người học chủ động lập kế hoạch cho toàn bộ quá trình học tập tại trường đại học, tùy thuộc vào các điều kiện của người học, ghi nhận kịp thời các thành tích của người học sau mỗi giai đoạn tích lũy. Hệ thống tín chỉ cho phép đặt ra những mục tiêu ngắn hạn để hoàn thành - điều này có lợi cho người học không có điều kiện xây dựng kế hoạch dài hạn. Trong hệ thống tín chỉ, mỗi môn học chỉ kéo dài và chấm dứt sau một học kì, do vậy cả người dạy và người học đều chủ động hơn. Việc kiểm tra-đánh giá được tiến hành bằng nhiều hình thức đa dạng và cũng kéo dài trong suốt học kì nên gánh nặng thi cử được giảm nhẹ nhưng cũng không cho phép người học được chểnh mảng. Một số trường đại học cấp tín chỉ cho các hoạt động giáo dục ngoài lớp học. Như vậy, các hoạt động độc lập của người học và

nhiều hoạt động giáo dục không truyền thống khác có thể được đánh giá bằng tín chỉ để tiến tới văn bằng.

Thứ hai, về tính mềm dẻo và khả năng thích ứng: Hệ thống tín chỉ cho phép tiến tới văn bằng đại học bằng nhiều cách tổ hợp các đơn nguyên kiến thức có số tín chỉ khác nhau (tức là có giá trị khác nhau). Người học có thể thay đổi ngành chuyên môn chính trong quá trình học. Thay vì phải học lại từ đầu, hệ thống tín chỉ công nhận các tín chỉ đã được tích lũy và chỉ cần bổ sung các tín chỉ còn lại để hoàn tất ngành học mới và nhận văn bằng. Người học có thể bố trí xen kẽ các giai đoạn làm việc và học tập, có thể hoàn thành chương trình giáo dục đại học theo hình thức bán thời gian, kết hợp giữa việc học để lấy văn bằng với giáo dục thường xuyên, đào tạo lại hoặc văn bằng hai. Trong học chế tín chỉ, việc đề xuất môn học mới dễ dàng hơn so với học chế niên chế. Điều này cho phép cải tiến, phát triển chương trình đào tạo một cách liên tục, gắn đào tạo với yêu cầu sử dụng, đáp ứng nhanh những yêu cầu mới của sự phát triển kinh tế-xã hội. Một ưu điểm khác của học chế tín chỉ là cho phép chấp nhận sự di chuyển người học giữa các trường đại học ở trong và ngoài nước tùy theo khả năng và sở thích của họ. Ở đây, hệ thống tín chỉ được xem là ngôn ngữ chung của các trường đại học cho phép việc chuyển đổi người học giữa các trường.

Thứ ba, về hiệu quả quản lí và giá thành đào tạo: Trong hệ thống tín chỉ, thành tích học tập của người học được đo trên cơ sở tích lũy các tín chỉ ứng với từng môn học.

Việc chưa hoàn thành môn học không ảnh hưởng nhiều tới quá trình học tập của người học vì họ có thể học lại môn học đó hoặc chọn môn học khác thay thế. Nhờ đó, người học không phải học lại cả năm nên giá thành đào tạo được giảm đi đáng kể. Hệ thống tín chỉ cũng kích thích các trường đại học phát triển theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực, có những khối kiến thức chung cho nhiều lĩnh vực. Việc tổ chức giảng dạy các môn này được tiến hành bởi các bộ môn chung cho cả bậc đại học chứ không cần các bộ môn trong khoa. Điều này cho phép chuyên môn hoá đội ngũ người dạy để họ tập trung vào nghiên cứu khoa học, nâng cao chất lượng giảng dạy đồng thời hạ thấp giá thành đào tạo so với cấu trúc theo kiểu khoa truyền thống. Hệ thống tín chỉ còn cho phép các trường đại học cấp tín chỉ cho các hoạt động giáo dục bên ngoài trường đại học để tiến tới văn bằng. Để nhận được tín chỉ, người học phải tập hợp các hồ sơ, tài liệu minh chứng cho thành tích học tập, làm việc, tự nghiên cứu của họ như: tiểu luận, bằng sáng chế, bản sao các công trình, giấy khen... Hội đồng giáo chức sẽ đánh giá hồ sơ này và nếu đạt yêu cầu, người học sẽ được cấp một số tín chỉ tương ứng. Hệ thống tín chỉ tạo ra sự liên kết giữa hoạt động đào tạo và hoạt động quản lý hành chính vì khi đó các hoạt động quản lý hành chính đều có thể được thực hiện thông qua giờ tín chỉ⁽³⁾ như: Học phí tính theo giờ tín chỉ; lương trả theo giờ tín chỉ; phương tiện được cấp theo giờ tín chỉ; các kế hoạch dạy-học cũng được đăng kí theo giờ tín chỉ... Hệ thống tín chỉ còn

cho phép kết hợp các nguồn lực, phối hợp các đơn vị trong hoạt động dạy-học, tránh được sự trùng lặp các môn học, qua đó tối ưu hoá việc sử dụng đội ngũ giáo chức.

2. Module và giờ tín chỉ

2.1. Module

Chương trình đào tạo trong học chế tín chỉ được thiết kế thành các module có kích cỡ chuẩn. Module là đơn vị kiến thức tương đối hoàn chỉnh, hướng tới mục tiêu đầu ra nhất định và có thể lồng ghép với một hoặc một số module khác thành khối kiến thức lớn hơn, hướng tới mục tiêu đầu ra rộng hơn hoặc sâu hơn.

Giá trị của module được đánh giá bằng số tín chỉ, được đo lường và được thực hiện trong một học kì. Kích cỡ tối thiểu của một module phải từ 2 tín chỉ trở lên. Các module dù kích cỡ khác nhau nhưng đều phải được thực hiện trong một học kì (tương đương với 15 tuần). Để tích luỹ số tín chỉ của 1 module người học cần tiến hành các hoạt động⁽⁴⁾ như lên lớp giờ lý thuyết, dự seminar, thảo luận nhóm, đi thực tế, tự học, tự nghiên cứu và các hoạt động khác do người dạy quy định.

2.2. Giờ tín chỉ⁽⁵⁾

Cách xác định giờ tín chỉ như sau: Mỗi môn học được thiết kế thành 1 hoặc 2 module, mỗi module bằng 3 tín chỉ, gồm 30 giờ lý thuyết + 10 giờ seminar hoặc thảo luận nhóm + 5 giờ tự học, tự nghiên cứu kéo dài trong 15 tuần; trong đó: 1 giờ lý thuyết = 1 giờ tín chỉ = 1 giờ lên lớp (tính trên thời khoá biểu) + 2 giờ chuẩn bị (không tính vào giờ trên lớp); 1 giờ seminar hoặc thảo luận nhóm = 1 giờ tín chỉ = 2 giờ lên lớp (tính

trên thời khoá biểu) + 1 giờ chuẩn bị (không tính vào giờ trên lớp); 1 giờ tự học, tự nghiên cứu = 1 giờ tín chỉ = 0 giờ lên lớp (không tính trên thời khoá biểu) + 3 giờ chuẩn bị (không tính vào giờ trên lớp); 3 tín chỉ x 15 tuần = 45 giờ tín chỉ (không kể tuần 0), trong đó 1 giờ tín chỉ được tính bằng 3 giờ thực tế.

3. Hình thức và phương pháp dạy-học theo học chế tín chỉ

3.1. Hình thức dạy-học

Hình thức dạy-học là những phương thức chuyển tải và tiếp nhận kiến thức (thông tin) nhằm đạt được mục tiêu và nhiệm vụ dạy-học.

Để tích lũy đủ số tín chỉ của 1 module, người học phải thông qua các hình thức dạy-học như: lên lớp giờ lí thuyết; dự seminar; thảo luận nhóm; làm thí nghiệm; tham gia các hoạt động thực hành, thực tế; tự học, tự nghiên cứu; tham gia các hoạt động khác do người dạy quy định.

3.2. Phương pháp dạy-học

Phương pháp dạy-học là hệ thống những cách thức hoạt động (bao gồm các hành động và thao tác) của người dạy và người học nhằm thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ dạy-học: trong đó phương pháp *dạy* là phương pháp tổ chức hoạt động nhận thức cho người học, điều khiển các hoạt động trí tuệ và thực hành, giáo dục ý thức và thái độ đúng đắn cho người học. Phương pháp học là phương pháp tự điều khiển hoạt động nhận thức, rèn luyện khả năng thu thập thông tin để hình thành hệ thống tri thức và kĩ năng thực hành. Hai phương pháp này không tồn

tại độc lập, tách rời nhau mà nó liên quan và phụ thuộc vào nhau, vì chúng vừa là mục đích vừa là nguyên nhân tồn tại của nhau.

Đề dạy-học tốt môn học theo học chế tín chỉ đòi hỏi quá trình dạy-học phải kết hợp các phương pháp sau đây:⁽⁶⁾ phương pháp thuyết trình-minh hoạ; phương pháp tái tạo; phương pháp nêu vấn đề-tình huống; phương pháp khám phá, sáng tạo; phương pháp tự nghiên cứu; phương pháp sàng lọc⁽⁷⁾ và một số phương pháp khác như phương pháp ghi ý kiến lên bảng, phương pháp đóng vai, phương pháp hỏi chuyên gia⁽⁸⁾...

Phương pháp tạo nên hiệu quả của quá trình dạy-học, vì vậy việc lựa chọn phương pháp luôn được đặt lên hàng đầu trong khi thiết kế, xây dựng ý đồ triển khai bài giảng cụ thể. Tuy nhiên, cần lưu ý là không có phương pháp dạy-học nào là tối ưu, mỗi phương pháp đều có những mặt ưu và nhược riêng. Do đó, người dạy phải biết lựa chọn để phát huy những ưu điểm và hạn chế những nhược điểm của từng phương pháp. Phương pháp dạy-học được coi là hợp lí và hiệu quả khi đáp ứng được 3 yêu cầu sau: *Một là* phương pháp này phải có mục tiêu dạy-học rõ ràng; tạo ra khả năng cao nhất để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ dạy-học; phát triển nhận thức, kĩ năng, thái độ của người học. *Hai là* phương pháp này phải phù hợp với nội dung dạy-học cụ thể, đặc thù của từng môn học, bài học và phù hợp với từng vấn đề cụ thể, từng giai đoạn cụ thể trong tiến trình giờ học. *Ba là* phương pháp này phải phù hợp với năng lực, trình độ, sở thích, hứng thú, kinh nghiệm của người dạy, người

học và các điều kiện dạy-học... Xuất phát từ những yêu cầu trên, việc lựa chọn phương pháp dạy-học phải căn cứ vào mục tiêu và nội dung dạy-học (môn học, chương, mục, bài học, từng nội dung cụ thể trong các giai đoạn triển khai giờ học...); nguyên tắc dạy-học; đặc điểm tâm sinh lí, khả năng, trình độ, hứng thú của người học và trình độ chuyên môn, năng lực sư phạm của người dạy...

Để phát huy hết ưu điểm của các phương pháp dạy-học, người dạy cần kết hợp, xen kẽ nhiều phương pháp trong 1 giờ học nhằm lấy ưu điểm của phương pháp này khắc phục nhược điểm của phương pháp kia, tạo ra sự

linh hoạt, đa dạng trong một giờ học: coi việc kiểm tra-đánh giá thường xuyên như một phương pháp dạy-học.⁽⁹⁾

4. Phương thức kiểm tra-đánh giá

Để kiểm tra-đánh giá mức độ đạt mục tiêu của người học, người dạy có thể sử dụng những phương thức sau:

- Kiểm tra-đánh giá qua bài tập cá nhân/tuần: Bài tập cá nhân/tuần được thực hiện 2 tuần/1 bài = 10% tổng số điểm của 1 module, để kiểm tra mục tiêu bậc 1 của vấn đề đã giảng trong tuần đó. Phương thức kiểm tra-đánh giá của bài tập cá nhân/tuần có thể được thực hiện theo mẫu sau đây:

I. Các câu hỏi theo cấu trúc (6 điểm)	
A. Nêu khái niệm... (300 từ)	2 điểm
B. Trình bày các đặc điểm... (400 từ)	2 điểm
C. Phân biệt... (400 từ)	2 điểm
II. Phần trả lời tự do (4 điểm)	
Quan điểm của bạn về... (1000 từ)	4 điểm

- Kiểm tra-đánh giá qua bài tập nhóm/tháng: Bài tập nhóm/tháng được thực hiện 4 tuần/1 bài = 10% tổng số điểm của 1 module, để kiểm tra mục tiêu bậc 2 của các vấn đề đã giảng trong tháng đó. Câu hỏi trong bài tập nhóm/tháng liên quan đến các chủ đề seminar về những vấn đề mà người dạy đã hướng dẫn, có tính thực hành, vận dụng, đòi hỏi nỗ lực của tất cả các thành viên trong nhóm.

- Kiểm tra-đánh giá qua bài tập giữa kì: Bài tập giữa kì được thực hiện 8 tuần/1 bài = 20% tổng số điểm của 1 module, để kiểm tra

mục tiêu bậc 3 của các vấn đề đã giảng trong nửa học kì đó.

- Kiểm tra-đánh giá qua bài tập lớn/học kì: Bài tập lớn/học kì được thực hiện 15 tuần/1 bài = 20% tổng số điểm của 1 module, để kiểm tra-đánh giá những nhiệm vụ mà người học phải tự nghiên cứu trong học kì đó. Câu hỏi trong bài tập lớn/học kì có tính lí luận là vấn đề tổng hợp liên quan đến toàn bộ chương trình giảng trong học kì đó (ứng với các vấn đề có trong chương trình mà không giảng trên lớp hoặc mở rộng những vấn đề đã giảng).

- Kiểm tra-đánh giá qua bài tập cuối kì: Bài tập cuối học kì được thực hiện khi đã kết thúc một module = 40% tổng số điểm của module đó, để kiểm tra toàn bộ kiến thức mà người học lĩnh hội được trong cả module. Hình thức của bài tập cuối kì có thể là đề tài hoặc dự án mà người học phải giải quyết trên cơ sở kiến thức của môn hoặc liên môn.

5. Các yêu cầu cơ bản về người dạy, người học, học liệu và phương tiện dạy-học theo học chế tín chỉ

5.1. Các yêu cầu cơ bản về người dạy⁽¹⁰⁾

Thứ nhất, để giảng dạy tốt môn học theo học chế tín chỉ đòi hỏi mỗi người dạy phải có hồ sơ bài dạy. Hồ sơ bài dạy là trung gian giữa đề cương chi tiết và giáo án nhằm cụ thể hoá đề cương chi tiết về các vấn đề như: mục tiêu, nội dung, thời gian, địa điểm, công việc của người dạy, người học... Hồ sơ bài dạy phải mang tính định hướng nhưng không quá chung chung và phải bám sát mục tiêu bài dạy. Hồ sơ bài dạy bao gồm những thành phần cơ bản sau: 1) Tài liệu hỗ trợ người dạy (giáo án, giáo trình, tài liệu tham khảo, văn bản quy phạm pháp luật, bản án, bài giảng power point, băng video, các tài liệu liên quan, các câu hỏi, bài tập, địa chỉ trang web...). 2) Tài liệu hỗ trợ người học (giáo trình, tài liệu tham khảo, văn bản quy phạm pháp luật, bản án, các câu hỏi, bài tập, địa chỉ trang web, hình ảnh, đoạn phim hỗ trợ...). 3) Tài liệu quản lí lớp (danh sách lớp, lịch trình học tập, thời khoá biểu...). 4) Kế hoạch thực hiện bài dạy. 5) Bảng công cụ đánh giá (tương tự như đáp án). 6) Lịch trình làm việc cụ thể (thời gian nào, ở đâu, người dạy làm gì, người học làm gì, làm trong bao lâu...).

Thứ hai, để giảng dạy tốt môn học theo học chế tín chỉ đòi hỏi người dạy phải có phương pháp giảng dạy phù hợp. Người dạy phải biết tạo ra động lực và hứng thú học tập ở người học, biết nhấn mạnh tầm quan trọng và ý nghĩa của môn học, bài học trước khi giảng. Người dạy cũng phải biết phát huy tất cả các giác quan của người học như: Phát huy thị giác của người học bằng cách viết lên bảng, cho xem hình ảnh, xem trình chiếu; phát huy thính giác của người học bằng cách sử dụng giọng nói trầm bổng, giàu cảm xúc, sử dụng ngữ điệu, âm lượng phù hợp... phát huy xúc giác của người học bằng cách cho tiếp xúc với công cụ, phương tiện liên quan... Biết kết hợp ngôn ngữ của lời nói với ngôn ngữ của hình thể (nét mặt, ánh mắt, nụ cười...). Biết đánh thức các giác quan của người học bằng những ví dụ thực tiễn, những từ ngữ, kinh nghiệm, sự kiện có tính thời sự... Biết tạo ra môi trường học tập thoải mái, thân thiện, giúp người học tự tin, hứng khởi. Biết truyền lòng say mê nghiên cứu khoa học của mình vào người học. Biết tạo ra nhiều cơ hội để người học tự thể hiện mình, thông qua hệ thống các câu hỏi trắc nghiệm, các bài tập tình huống thực tiễn... Trước khi giảng bài mới phải ôn lại bài cũ để người học nhớ lại những kiến thức đã học và tiếp thu kiến thức mới một cách có hệ thống. Sau khi kết thúc vấn đề phải kết luận lại những nội dung cơ bản, quan trọng của vấn đề đó (nên dùng sơ đồ để thể hiện kết luận) đồng thời phải thông báo trước cho người học những nội dung, học liệu... của bài học sau để người học chuẩn bị, nghiên cứu trước khi tiếp tục lĩnh hội kiến thức mới.

Thứ ba, đề giảng dạy tốt môn học theo học chế tín chỉ đòi hỏi mỗi người dạy phải là tâm hồn của lớp, phải biết động viên, khích lệ người học nghiên cứu, say mê học tập. Biết lắng nghe, chia sẻ, đồng cảm với người học, có lòng vị tha, độ lượng. Để tạo sự thoải mái, giảm bớt sự căng thẳng, mỗi vấn đề không nên trình bày liên tục quá 15 phút. Có thể xen kẽ thơ, ca, kể chuyện nhưng phải ngắn gọn và phải phù hợp với nội dung của bài. Tăng cường các hình thức kiểm tra để đánh giá khả năng tiếp thu của người học với những câu hỏi từ dễ đến khó. Thỉnh thoảng cần dừng lại để lắng nghe, tiếp thu sự phản hồi từ phía người học. Ngoài những yêu cầu trên, đòi hỏi mỗi người dạy phải sử dụng thành thạo các phương tiện giảng dạy hiện đại và phải sử dụng tốt ít nhất một ngoại ngữ có tính quốc tế như Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc, Tây Ban Nha...

5.2. Các yêu cầu cơ bản về người học

Để học tốt môn học theo học chế tín chỉ đòi hỏi mỗi người học phải biết tạo cho mình động cơ học tập đúng đắn; nghiên cứu, nắm vững đề cương môn học, nhất là các bậc mục tiêu ứng với từng tuần lên lớp; sưu tầm, nghiên cứu các học liệu mà người dạy yêu cầu; tích cực trao đổi để tìm phương án giải quyết các loại bài tập cá nhân/tuần, nhóm/tháng, giữa kì, cuối kì và bài tập lớn/học kì; tham gia đầy đủ các hình thức dạy-học theo học chế tín chỉ như lên lớp giờ lí thuyết, dự seminar, thảo luận nhóm, các hoạt động thực hành, thực tế, tự học, tự nghiên cứu và các hoạt động khác do người dạy quy định và phải ghi chép, trao đổi,

tranh luận những nội dung cơ bản, cần thiết; có trách nhiệm với việc học của chính mình; có tính bền bỉ, kiên trì và năng lực sáng tạo; có khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá, vận dụng những tri thức lí luận để giải quyết những tình huống thực tiễn...

5.3. Các yêu cầu cơ bản về học liệu và phương tiện dạy-học⁽¹¹⁾

Học liệu và phương tiện dạy-học là hai khái niệm riêng biệt nhưng xét ở góc độ nào đó chúng cũng có những nét tương đồng. Học liệu là vật chất dùng để chứa đựng thông tin phục vụ cho việc dạy-học; phương tiện là vật chất dùng để khai thác thông tin trong học liệu. *Ví dụ*, sách chứa đựng chữ, hình ảnh...; đĩa VCD chứa đựng âm thanh, văn bản... Có học liệu giúp người học có thể trực tiếp khai thác được thông tin như sách, tài liệu in ấn... mà không cần sử dụng bất cứ thiết bị, phương tiện gì trợ giúp. Tuy nhiên, cũng có học liệu người học muốn khai thác được thông tin phải thông qua các thiết bị, phương tiện phù hợp. *Ví dụ*, muốn khai thác thông tin trong đĩa VCD người học cần phải có đầu đĩa và màn hình...

Để dạy-học tốt môn học theo học chế tín chỉ đòi hỏi người dạy và người học phải có các loại học liệu và phương tiện dạy-học sau đây: sách, tài liệu in ấn; điện thoại; băng hình, băng tiếng; đĩa hình, đĩa tiếng; radio, đài phát thanh; vô tuyến truyền hình; sách điện tử; phòng hội thảo truyền hình; công cụ đa phương tiện; chương trình vi tính; đầu đọc đĩa, máy quay băng; máy vi tính, internet...

Tiêu chí của học liệu và phương tiện dạy-học đã được các học gia trên thế giới

thống nhất trong mô hình ACTIONS. Mô hình này đòi hỏi học liệu và phương tiện dạy-học phải: A – access (dễ tiếp cận và có thể học ở mọi nơi, mọi lúc); C - cost (giá thành thấp, chi phí cố định và ít thay đổi); T - teaching (giúp người học thu được cả tri thức lẫn kỹ năng tư duy); I - interaction and user-friendliness (dễ sử dụng và đảm bảo thông tin hai chiều dạy-học); O - organisation (chi phí cho việc tổ chức thực hiện thấp); N - novelty (đảm bảo tính cập nhật của thông tin); S – speed (không mất nhiều thời gian cho việc chuẩn bị học liệu; có tính ổn định so với chương trình; đảm bảo tốc độ cập nhật, khai thác và xử lý thông tin).

Để tạo điều kiện thuận lợi cho người học, trước khi tiến hành biên soạn học liệu, người dạy cần nắm vững một số nguyên tắc và kỹ năng sau đây: Người dạy phải biết trình độ hiện tại của người học để đưa ra học liệu phù hợp vì nếu quá khó sẽ gây ra tâm lý chán nản, bỏ học; ngược lại, nếu quá dễ sẽ gây ra tâm lý chủ quan... Mục tiêu của tài liệu, bài học phải được xác định ngay từ đầu để giúp người học định hướng cách học. Khi biên soạn học liệu, các cụm kiến thức phải được sắp xếp theo trình tự từ dễ đến khó, từ cụ thể đến trừu tượng. Để có tư liệu cho việc biên soạn học liệu, người dạy có thể dựa vào giáo trình, sách giáo khoa hiện hành... Các ví dụ sinh động có thể lấy từ những vụ án thực tế, điển hình và có tính thời sự liên quan đến nội dung của môn học, bài học./.

(1).Xem: Khoa sư phạm Đại học quốc gia Hà Nội, *Chương trình tập huấn tổ chức, thực thi và quản lý chương trình đào tạo phù hợp với phương thức đào*

tạo theo học chế tín chỉ, Hà Nội, năm 2006, tr. 15-16.

(2).Xem: - Khoa sư phạm Đại học quốc gia Hà Nội, *Chương trình tập huấn tổ chức, thực thi và quản lý chương trình đào tạo phù hợp với phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ*, Hà Nội, năm 2006, tr. 6-7.

- Trung tâm nghiên cứu và phát triển đào tạo từ xa Viện đại học mở Hà Nội, *Tài liệu tập huấn phương pháp biên soạn giáo trình tự học có hướng dẫn*, Hà Nội, năm 2006, tr. 4.

(3).Xem: Khoa sư phạm Đại học quốc gia Hà Nội, *Chương trình tập huấn tổ chức, thực thi và quản lý chương trình đào tạo phù hợp với phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ*, Hà Nội, năm 2006, tr. 7-9.

(4).Xem: Khoa sư phạm Đại học quốc gia Hà Nội, *Chương trình tập huấn tổ chức, thực thi và quản lý chương trình đào tạo phù hợp với phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ*, Hà Nội, năm 2006, tr. 14.

(5).Xem: Khoa sư phạm Đại học quốc gia Hà Nội, *Chương trình tập huấn tổ chức, thực thi và quản lý chương trình đào tạo phù hợp với phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ*, Hà Nội, năm 2006, tr. 15-16.

(6).Xem: Khoa sư phạm Đại học quốc gia Hà Nội, *Đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, Hà Nội, năm 2007, tr. 18.

(7).Xem: Tổ chức phát triển và nâng cao năng lực quốc tế Đức (2006), *Phiếu phương pháp giảng dạy*. Hà Nội.

(8).Xem: Học viện chính trị quốc gia, Học viện báo chí và tuyên truyền, *Nguyên lý công tác tư tưởng*, Hà Nội, năm 2005, tr. 136-150.

(9).Xem: Khoa sư phạm Đại học quốc gia Hà Nội, *Chương trình tập huấn tổ chức, thực thi và quản lý chương trình đào tạo phù hợp với phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ*, Hà Nội, năm 2006, tr. 20.

(10).Xem: Khoa sư phạm Đại học quốc gia Hà Nội, *Lớp bồi dưỡng chuyên đề "sư phạm tương tác"*, Hà Nội, năm 2006, tr. 37-59.

(11).Xem: Trung tâm nghiên cứu và phát triển đào tạo từ xa Viện Đại học mở Hà Nội, *Tài liệu tập huấn phương pháp biên soạn giáo trình tự học có hướng dẫn*, Hà Nội, năm 2006, tr. 30-38.